TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:152/2023/DS-ST. Ngày: 27/9/2023 V/v:*"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hoàng S**, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Sô A, L , phường M, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1961
Địa chỉ: Số B, ấp M, xã P, thành phố T, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: **Ông Trần Hữu P**, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Số B, khu phố S, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Số C, H, phường N, thành phố T, tỉnh Tiền Giang
Đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Hữu P: Ông Hồ Văn V, sinh năm: 1961
Địa chỉ: Số D, ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- **Ông Nguyễn Thành N**, sinh năm: 1957
- **Bà Mạch Thị T**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông T, ông V có mặt tại phiên tòa. Ông N yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyênđơn Nguyễn Hoàng S- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 297 tờ bản đồ 44, diện tích: 402,3m^2 với giá: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và thửa 296 tờ 44 diện tích: 1.158,6m^2 với giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Các bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng được công chứng ngày 19/3/2021 tại Văn phòng Công chứng T. Sau khi ký Hợp đồng xong thì ông S đã giao cho ông P số tiền: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, có làm biên nhận. Ông P đã giao cho ông S 02 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên cho ông S cất giữ và thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, khi ông S có đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố B nộp hồ sơ để được cấp giấy chủ quyền sử dụng nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B không nhận hồ sơ, ông S có liên hệ với ông P nhưng không được. Sau này ông S mới biết 02 thửa đất trên ông P với ông N đang tranh chấp và theo bản án của Tòa án đã xác định 02 thửa đất 296, 297 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Nguyễn Thành N

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/03/2021 đối với thửa đất 296, 297 tờ bản đồ số 44 tại xã H, thành phố B. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/03/2021 đối với thửa đất 296, 297 tờ bản đồ số 44 tại xã H, thành phố B giữa ông Nguyễn Hoàng S với ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L vô hiệu. Yêu cầu ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L trả lại số tiền đã nhận là 1.500.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại theo chênh lệch giá đất theo kết quả định giá.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L - ông Hồ Văn V trình bày:

Ngày 19/3/2021, ông P và bà L có vay của ông Nguyễn Hoàng S số tiền 1.500.000.000đồng. Biên nhận nhận tiền ngày 19/3/2021 do nguyên đơn cung cấp là biên nhận số tiền vay trên. Giữa ông S, ông P và bà L không có lập Hợp đồng vay. Tuy ký nhận 1.500.000.000đồng nhưng số tiền thực tế ông P và bà L nhận là 1.350.000.000đồng do ông S trừ đi tiền lãi tháng đầu là 150.000.000đồng. Theo thỏa thuận, ông P và bà L đóng lãi 4%/tháng cho ông S, mỗi tháng 60.000.000đồng, đóng được 06 tháng. Ông S có yêu cầu ông P và bà L ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 đối với 02 thửa đất 296 và 297 để làm tin, dù ông P đã trình bày phần đất trên đang tranh chấp và không thuộc quyền sử dụng của ông P

nhưng ông S vẫn đồng ý. Do đó các bên ký hợp đồng chuyển nhượng mà không bàn giao đất.

Nay ông P và bà L cũng đồng ý tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/03/2021 đối với thửa đất 296, 297 tờ bản đồ số 44 tại xã H, thành phố B giữa ông Nguyễn Hoàng S với ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L vô hiệu. Ông P và bà L đồng ý trả lại số tiền đã nhận là 1.500.000.000đồng, và trả lãi theo lãi suất 20%/năm trên số tiền 1.350.000.000đồng kể từ ngày 19/3/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông và bà Mạch Thị T hiện đang ở trên phần đất thuộc thửa 296, 297 tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại xã H, thành phố B. Phần đất trên, trước đây vợ chồng ông có tranh chấp với bị đơn ông Trần Hữu P và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 79/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Theo bản án, thửa đất 296, 297 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Nguyễn Thành N. Hiện ông bà đang làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án. Đối với tranh chấp của ông S với ông P, bà L ông không có ý kiến do nguyên đơn không có yêu cầu gì liên quan đến phần đất của ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông trong vụ án, cam kết không khiếu nại về sau. Trường hợp Tòa án có tiến hành các thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản liên quan đến thửa 296, 297 làm căn cứ giải quyết vụ án thì ông sẽ hỗ trợ.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/03/2021 đối với thửa đất 296, 297 tờ bản đồ số 44 tại xã H, thành phố B giữa ông Nguyễn Hoàng S với ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L vô hiệu.

Buộc ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L trả lại ông Nguyễn Hoàng S số tiền 1.500.000.000đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 4.744.320.000đồng.

Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S khởi kiện bị đơn ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 và bồi thường thiệt hại. Xét quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Hoàng S với ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L là *"Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*, hợp đồng được thực hiện tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Nguyễn Thành N yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mạch Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thành N và bà Mạch Thị T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 giữa ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, ông Nguyễn Hoàng S được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự, được công chứng chứng thực theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 nên hoàn toàn hợp pháp về hình thức.

[2.3] Căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021: ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S phần đất thuộc thửa 297 tờ bản đồ số 44, diện tích 402,3m^2 tọa lạc tại xã H, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 314235 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/3/2021 với giá 500.000.000đồng và phần đất thuộc thửa 296 tờ bản đồ số 44, diện tích 1.158,6m^2 tọa lạc tại xã H, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 314234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/3/2021 với giá 1.000.000.000đồng.

Căn cứ theo Biên nhận nhận tiền ngày 19/3/2021, ông Nguyễn Hoàng S đã giao cho ông Trần Hữu P số tiền 1.500.000.000đồng theo Biên nhận nhận tiền ngày 19/3/202. Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 1.500.000.000đồng theo Biên nhận do nguyên đơn cung cấp nhưng cho rằng số tiền 1.500.000.000đồng là số tiền vay nhưng không có chứng cứ chứng minh. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 nên có cơ sở xác định số tiền 1.500.000.000đồng là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Ông Nguyễn Hoàng S cho rằng, sau khi ký hợp đồng và giao số tiền chuyển nhượng 1.500.000.000đồng cho ông P, ông P có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng ông không thực hiện việc sang tên chủ sử dụng đất được do phần đất đang tranh chấp.

Căn cứ theo Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 07/9/2022, vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành N với ông Trần Hữu P thụ lý ngày 04/3/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập vào ngày 09/02/2021 giữa ông Nguyễn Thành N, bà Mạch Thị T và ông Trần Hữu P đối với các thửa đất 296, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.158,6m^2; thửa 297, tờ bản đồ số 44, diện tích 402,3m^2 cấp cho hộ ông Nguyễn Thành N đứng tên vào ngày 30/12/2020, tọa lạc ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phó Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Trần Hữu P khẳng định là chỉ đứng tên dùm 02 thửa đất cho bà Nguyễn Thị Trúc.

Bản án số 79/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên : " Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/02/2021 giữa ông Nguyễn Thành N, bà Mạch Thị T, ông Trần Hữu P đối với thửa đất 296 tờ bản đồ số 44, diện tích 1.158,6m^2; thửa 297 tờ bản đồ số 44, diện tích 402,3m^2 hiện do

ông Trần Hữu P đứng tên vào ngày 04/3/2021, tọa lạc ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông Trần Hữu P sang tên hộ ông Nguyễn Thành N đối với thửa đất số 297 tờ bản đồ số 44, số phát hành CY 314234, số vào sổ CS 11592, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Trần Hữu P cùng ngày 04/3/2021, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành N đứng tên vào ngày 30/12/2020, khi bản án có hiệu lực pháp luật".

Do thửa đất 296 tờ bản đồ số 44, diện tích 1.158,6m^2; thửa 297 tờ bản đồ số 44, diện tích 402,3m^2 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Thành N, nên ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L không có quyền chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Nguyễn Hoàng S theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai 2013. Vì vậy, theo quy định tại Điều 127, 407, 408 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 giữa ông P, bà L với ông S bị vô hiệu ngay từ khi giao kết hợp đồng do có đối tượng không thực hiện được. tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đồng ý tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 vô hiệu nên ghi nhận.

Về lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 giữa ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoàng S được ký kết sau khi Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành N với ông Trần Hữu P.Ông P và bà L cho rằng đã cho ông S biết phần đất trên không thuộc quyền sử dụng của ông P và bà L nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông P và bà L dù biết rõ 02 thửa đất 296 và 297 không thuộc quyền sử dụng của mình và phần đất trên đang bị tranh chấp nhưng ông P và bà L có hành vi che giấu để thực hiện việc chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S nên ông P và bà L có lỗi hoàn toàn trong việc dẫn đến Hợp đồng vô hiệu

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: căn cứ theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2005 các bên phải khôi phục hiện trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy biên nhận nhận tiền ngày 19/3/2021 chỉ có ông Trần Hữu P ký tên nhưng ông P được bà L ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông S nên việc ông S yêu cầu ông P và bà L trả lại số tiền 1.500.000.000đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự " Trường hợp khi giao kết hợp đồng mà một bên biết hoặc phải biết về việc hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được nhưng không thông báo cho bên kia biết nên bên kia đã giao kết hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại". Do ông P và bà L đã nhận đủ tiền và chưa giao đất nên người bị thiệt hại là ông S nên ông P và bà L phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông S số tiền tương đương với phần lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu.

Theo biên bản định giá ngày 09/8/2023 giá đất trồng cây lâu năm là 4.000.000đ/m^2

- Giá trị thửa đất 296 = 1.158,6m^2 x 4.000.000đồng/m^2 = 4.634.400.000đồng

- Giá trị thửa đất 297 = 402,3m^2 x 4.000.000đ/m^2 = 1.609.200.000đồng

Tổng cộng 6.243.600.000đồng.

Như vậy thiệt hại xảy ra = 6.243.600.000 – 1.500.000.000đồng = 4.743.600.000đồng.

Ông P và bà L phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông S số tiền là 4.743.600.000đồng.

Tổng cộng, ông P và bà L phải trả cho ông S số tiền 6.243.600.000đồng.

[3]Chi phí thu thập chứng cứ: 900.000 + 276.000 + 90.000 = 1.266.000 đồng ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu. Do ông Nguyễn Hoàng S đã nộp tạm ứng chi phí thu thập chứng cứ nên ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trí số tiền trên.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng

- Ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.243.600 đồng

[5]Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 217, 218, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 121, 128, 131, 502, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 167 Luật Đất đai 2013

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S cụ thể tuyên:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2021 giữa ông Trần Hữu P, bà Huỳnh Thị Lan với ông Nguyễn Hoàng S đối với thửa đất số 296, 297 tờ bản đồ số 44 tại xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Số công chứng 875, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phònh công chứng Bùi Trọng Tâm) vô hiệu.

Buộc ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền 6.243.600.000đồng gồm 1.500.000.000đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 4.743.600.000đồng tiền bồi thường thiệt hại

7. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác: Buộc ông Trần Hữu P và bà Hùynh Thị Ngọc Lan có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền chi phí thu thập chứng cứ là 1.266.000 (Một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về án phí: - Ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng

- Ông Trần Hữu P và bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.243.600 đồng

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu Trí số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng tạm ứng án phí số 0010182 ngày 16/01/2023 và 28.500.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010189 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương